

Bản án số:30/2019/HS-ST
Ngày 02 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Dũng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Tố;
Ông Phan Phi Anh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Trần Cúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Đức T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1986, tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức M, sinh năm 1941 và bà Phan Thị H, sinh năm 1947.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị Trần Thị Việt Th, sinh năm 1998, có mặt;
2. Cháu Trần Văn N, sinh ngày 21/9/2004, có mặt.

Cùng trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

*** Người đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Văn N:**

Ông Trần T, sinh năm 1976 và bà Trần Thị B, sinh năm 1976; cùng trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

*** Người làm chứng:**

1. Anh Trương Văn M, sinh năm 1996, vắng mặt;
2. Chị Trần Thị Việt T, sinh năm 2000, có mặt;
3. Chị Trần Thị Kim N, sinh ngày 16/10/2001, có mặt;
4. Bà Trần Thị B, sinh năm 1976, có mặt;
5. Ông Trần T, sinh năm 1976, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết khi làm thợ may tại một Công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh nên đầu năm 2018 Lê Đức T đặt vấn đề tình cảm yêu đương với chị Trần Thị Việt Th nhưng chị Th từ chối và tìm cách né tránh. Mặc dù vậy, T vẫn không từ bỏ ý định yêu chị Th nên đã tìm gặp nhắn tin điện thoại và mạng Facebook của mình cho chị Th nhưng vẫn bị từ chối. Trưa ngày 17/01/2019, T về nhà mình lấy một quả lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất (T nhặt được vào năm 2016) và 01 cây dao bỏ vào túi áo rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52F7-1705 chạy ra nhà chị Th tại đây T gặp chị Th và Trần Văn N (em trai chị Th), trong lúc ngồi nói chuyện với chị Th, T lấy quả lựu đạn trong túi áo ra và hỏi chị Th có yêu mình không rồi bỏ vào túi áo và cởi áo ra bỏ ở ghế. Lợi dụng sơ hở của T, N đã đem giấu chiếc áo sau nhà và trình báo với Công an xã H phối hợp với Đoàn Biên phòng M tổ chức lực lượng bắt quả tang thu giữ của T 01 quả lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất cùng một số tài sản khác.

Đối với hành vi đe dọa giết người: Do chị Trần Thị Việt Th từ chối tình cảm yêu đương và tìm cách né tránh nên ngày 19/11/2018, Lê Đức T đã dùng điện thoại di động của mình gửi tin nhắn qua điện thoại di động của chị Th với nội dung: “*Chén cơm anh không ăn được anh sẽ đập đổ, anh đeo cho ai hết...*” và nhắn tin cho chị Trần Thị Việt Th1 (em gái Th) nói: “*Gia đình chuẩn bị tâm lý...T và Th sẽ chấm hết...*”. Đến tối ngày 22/11/2018, T gặp chị Th ở một quán cà phê ở Thành phố Hồ Chí Minh và nói: “*Sẽ mua lựu đạn để có chuyện gì thì sẽ chết chung với Th cho nhẹ nhàng*”. Nghe vậy, chị Th lo sợ trước lời nói và hành động của T nên ngày 26/11/2018 chị Th và Th1 xin nghỉ việc để trốn về nhà ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Do không liên lạc được và biết chị Th đã nghỉ việc để trốn tránh nên T nhắn tin và gọi điện cho ông Trần T (bố chị Th) nói: “*Nếu tìm được Th thì giết chết Th*”. Ngày 18/12/2018, T tiếp tục sử dụng điện thoại và Facebook của mình là “*Thái Nguyên Lê*” để nhắn tin đe dọa giết chị Th và những người trong gia đình chị Th với nội dung: “*Sẽ ôm lựu đạn để cùng chết với chị Th khi tìm ra và sẽ giết cả 03 chị em nhà Th...*”. Sau khi nhận được tin nhắn thì chị Th đã chặn tin nhắn Facebook của T. Ngày 19/12/2018 và ngày 29/12/2018, T vẫn tiếp tục lên Facebook của mình đăng tải những nội dung: “*Tau sẽ giết chết cả nhà mày luôn, thế có trời cao...*”. “*Kính gửi ông T, bà B (bố mẹ chị Th) tôi tìm được con của ông bà nếu tìm được thì tôi thế sẽ giết chết cả 03 đứa luôn...*”. “*Tôi tìm được là cả 04 mạng người chết chung với nhau nha em Trần Thị Việt Th*” để đe dọa và làm cho những người trong gia đình chị Th lo sợ.

Máy điện thoại của ông T thường xuyên được cháu N sử dụng và theo dõi nên đã nắm được thông tin này và thông báo cho cả nhà biết. Đến trưa ngày 17/01/2019, T về nhà lấy một quả lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất với 01 cây dao bỏ vào túi áo rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52F7-1705 chạy ra nhà chị Th thì gặp chị Th và Trần Văn N nên T lấy quả lựu đạn trong túi ra và hỏi Th có yêu mình không rồi cất vào túi áo và cởi áo ra để ở ghế, thì N trình báo với Công an xã H và Đoàn Biên phòng M phối hợp bắt quả tang.

Quá trình điều tra thu giữ: 01 quả lựu đạn M67; 01 con dao; 01 xe mô tô; 01 áo ấm màu đen; 01 chứng minh nhân dân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7.

Tại bản kết luận giám định số 268 ngày 21/01/2019 của Phòng Kỹ thuật – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh kết luận:

01 vật kim loại hình cầu là vũ khí quân dụng, có tên gọi là lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất, 01 quả lựu đạn trên còn ngòi nổ, còn nguyên thuốc nổ.

Thông số kỹ thuật: Tên gọi lựu đạn M67 sát thương, trọng lượng đầy đủ 400g/01 quả; thuốc nổ COMB 180g/01 quả; bán kính sát thương 15m.

Nguyên lý hoạt động: Người sử dụng sau khi rút chốt an toàn và chốt bảo hiểm (ở phần mỏ vịt) ném về mục tiêu, lúc này dưới tác dụng của lò xo vận đẩy vận bảo hiểm và giải phóng kim hỏa, dưới tác dụng của lò xo nén kim hỏa giải phóng đập vào hạt lửa, hạt lửa đốt cháy liều giữ chậm 3,5s - 4,2s, liều giữ chậm cháy sẽ kích hoạt kíp nổ, kíp nổ gây nổ, lây thuốc nổ, giải phóng năng lượng truyền ra môi trường xung quanh dưới 02 dạng chính là sóng xung kích (sức ép) và động năng của sản phẩm nổ (mảnh) gây sát thương với bán kính khoảng 15m.

Về dân sự các bị hại không có yêu cầu bồi thường.

Chuyển 01 quả lựu đạn M67 cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị xử lý theo thẩm quyền.

Chuyển toàn bộ các tài sản khác sang Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị chờ xử lý.

Cáo trạng số: 20/CT-VKS-P1 ngày 12/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị can Lê Đức T về tội: “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 BLHS và tội: “*Đe dọa giết người*” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 133, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo từ 18 đến 20 tháng tù về tội: “*Đe dọa giết người*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 24 đến 29 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 20cm, 01 áo ấm màu

đen. Trả lại cho bị cáo: 01 chứng minh nhân dân có tên Lê Đức T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7. Tịch thu súng ngắn sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J2; 01 xe mô tô biển kiểm soát 52F7-1705. Tịch thu chuyển giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị quản lý, sử dụng theo thẩm quyền một quả lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là anh Trương Văn M, tuy nhiên sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì đã có lời khai của anh M trong hồ sơ vụ án nên HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Trưa ngày 17/01/2019, Lê Đức T về nhà mình lấy một quả lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất (T nhặt được vào năm 2016) bỏ vào túi áo rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 52F7-1705 chạy ra nhà chị Trần Thị Việt Th tại đây T gặp chị Th và Trần Văn N (em trai chị Th), trong lúc ngồi nói chuyện với chị Th, T lấy quả lựu đạn trong túi áo ra và hỏi chị Th có yêu mình không rồi bỏ vào túi áo rồi cởi áo ra bỏ ở ghế. Sau khi biết được cháu N trình báo với Công an xã H phối hợp với Đoàn Biên phòng M tổ chức lực lượng bắt quả tang. Tại bản kết luận giám định số 268 ngày 21/01/2019 của Phòng Kỹ thuật – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh kết luận: 01 vật kim loại hình cầu là vũ khí quân dụng, có tên gọi là lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất, quả lựu đạn trên còn ngòi nổ, còn nguyên thuốc nổ. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội: “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

Do chị Trần Thị Việt Th từ chối tình cảm yêu đương và tìm cách né tránh nên Lê Đức T đã dùng điện thoại di động của mình gửi tin nhắn qua điện thoại di động của chị Th và nhắn tin cho chị Trần Thị Việt Th1 (em gái Th) nói: “*Gia đình chuẩn bị tâm lý...T và Th sẽ chấm hết...*”, “*Sẽ mua lựu đạn để có chuyện gì thì sẽ chết chung với Th cho nhẹ nhàng*”. Chị Th lo sợ trước lời nói và hành động của T nên ngày 26/11/2018 xin nghỉ việc để trốn về nhà ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Không dừng lại ở đó T còn nhắn tin và gọi điện cho ông Trần T (bố chị Th) và sử dụng điện thoại và Facebook của mình là “*Thái Nguyên Lê*” để nhắn tin đe dọa giết chị Th và những người trong gia đình chị Th với nội dung: “*Sẽ ôm lựu đạn để cùng chết với chị Th khi*

*tìm ra và sẽ giết cả 03 chị em nhà Th... ”. Sự lo sợ của chị Th là từ lúc còn ở thành phố Hồ Chí Minh đã phải chuyển sang làm công ty khác, và đặc biệt vào ngày 17/01/2019 sau khi thấy T cho xem quả lựu đạn lại càng sợ hơn nên khi T hỏi Th có yêu mình không thì Th đã trả lời là để em suy nghĩ nhằm kéo dài thời gian để báo cơ quan Công an địa phương. Đối với cháu Trần Văn N (sinh ngày 21/9/2004) có biết sự đe dọa của T qua Face book đối với gia đình là sẽ giết cả 03 chị em nhà Th. Tại thời điểm chiều 17/01/2019 ở nhà chỉ có 02 chị em và khi biết T vào nhà có mang theo lựu đạn thì tinh thần hoang mang lo sợ vì sợ T sẽ cho nổ lựu đạn như những lời đe dọa trên Face book. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội: “*Đe dọa giết người*” với tình tiết định khung “*đối với 02 người trở lên*” và “*đối với người dưới 16 tuổi*” theo các điểm a, d khoản 2 Điều 133 BLHS.*

[3]. Hành vi của phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, không những xâm phạm đến quyền của công dân được pháp luật bảo vệ về tính mạng sức khỏe, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo, răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với 02 tội. Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đối với tội: “*Đe dọa giết người*” nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng sử dụng vào hành vi phạm tội và không có giá trị sử dụng gồm: 01 con dao dài 20cm, 01 áo ấm màu đen. Trả lại cho bị cáo những vật chứng là tài sản của bị cáo và không dùng vào việc phạm tội: 01 chứng minh nhân dân có tên Lê Đức T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A7. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J2 do bị cáo sử dụng để nhắn tin đe dọa các bị hại; 01 xe mô tô biển kiểm soát 52F7-1705 quá trình xác minh thể hiện không có chủ sở hữu, bị cáo khai mua lại nhưng không có giấy tờ mua bán, đồng thời bị cáo sử dụng xe mô tô trên mang theo lựu đạn từ Thừa Thiên Huế ra huyện H, tỉnh Quảng Trị để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với một quả lựu đạn M67 do Mỹ sản xuất cần chuyển giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị quản lý, sử dụng theo thẩm quyền.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[8]. Ra Quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và tội: “Đe dọa giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Lê Đức T: **12 (mười hai)** tháng tù, về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng các điểm a, d khoản 2 Điều 133; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Lê Đức T: **20 (hai mươi)** tháng tù, về tội: “Đe dọa giết người”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Đức T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: **32 (ba mươi hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/01/2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 dao dài 20cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng sáng, dài 11cm, phần cán làm bằng nhựa màu vàng dài 09cm;

- 01 áo ấm màu đen nhãn hiệu Bailongda cỡ XXL.

* Trả lại cho bị cáo:

- 01 CMND số 191611209, có tên Lê Đức T do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu đồng có 02 số IMEI 355758082547393, 355759082547391.

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 màu đồng có 02 số IMEI 353319/09/124146/0, 0353320/09/124146/8.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 52F7-1705 hiệu SINNO HONGDA WAYEC, màu đen, không nhãn mác, số khung: RRKWCHHUM5X038176, số máy: VTTJL1P52FMH*038176*, xe không có kính chiếu hậu, không cần đạp khởi động, gãy chân đỡ phía sau trái, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong

(Vật chứng trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 6 năm 2019)

Tịch thu, chuyển giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị quản lý, sử dụng: 01 quả lựu đạn cần. (01 quả lựu đạn trên có tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/01/2019)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị ANĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Dũng